

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 7 – 2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phạm Văn Tuấn Em.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Diệu Hiền

2. Ông Lê Thiện Đào Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Thu H, sinh năm: 1988.

HKTT: Số C, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

HKTT trước khi sáp nhập: Số C, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số A, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Thành T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ trước khi sáp nhập: Số B, ấp P, xã T, TP., tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T quen biết, tìm hiểu nhau năm 2008, đến năm 2010 thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2012 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, chị H và anh T sống tại số C, ấp H, xã L, huyện

L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa chị H và anh T không đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong việc sử dụng tiền bạc, dẫn đến chị H và anh T thường xuyên cãi nhau, đến năm 2024 chị H thuê nhà tại V, huyện L (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp), hiện tại đang tạm trú 1071/B, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp sống cùng 02 đứa con Phạm Thị Thu N, Phạm Thị Thanh N1. Còn anh T sống chung với con Phạm Thị Bảo N2. Đối với ý kiến của anh T cho rằng chị H ngoại tình thì chị H xác định không có. Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm đối với anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thu N, sinh ngày 16/11/2011, Phạm Thị Bảo N2, sinh ngày 08/02/2014, Phạm Thị Thanh N3, sinh ngày 12/01/2019. Hiện 02 con Thu N và Thanh N3 đang sống chung với chị H, còn con Bảo N2 đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con Thu N và Thanh N3, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Bảo N2, chị H đồng ý giao con Bảo N2 cho anh T nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con Bảo Ngọc. Trong trường hợp, Hội đồng xét xử giao con Thanh N3 cho anh T nuôi dưỡng thì chị H tự nguyện cấp dưỡng cho Thanh N3 800.000 đồng/tháng đến khi cháu Thanh N3 đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung: Không, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị H không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Phạm Thành T trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, sống chung vợ chồng, đăng ký kết hôn thì anh T thống nhất với phần trình bày của chị H. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, chị H và anh T sống tại Số C, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn, theo lời trình bày của chị H thì anh T chỉ thống nhất một phần, sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T phát hiện chị H ngoại tình, quen với người khác, đến năm 2024 thì chị H không còn sống tại số C, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp, hiện tại chị H không biết ở đâu. Đối với anh T, anh T có nơi đăng ký thường trú tại Số B, ấp P, xã T, TP., tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), nhưng anh T cũng sống tại Số C, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), là nhà của cha mẹ chị H, anh T sống tại 02 địa chỉ trên, thường đi đi về về hai địa chỉ trên. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thu N, sinh ngày 16/11/2011, Phạm Thị Bảo N2, sinh ngày 08/02/2014, Phạm Thị Thanh N3, sinh

ngày 12/01/2019. Hiện 02 con Thu N và Thanh N3 đang sống chung với chị H, còn con Bảo N2 đang sống chung với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con Bảo N2 và Thanh N3, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con Bảo N2 và Thanh N3. Đối với con Thu N thì anh T đồng ý giao con Thu N cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con Thu N. Trong trường hợp, Hội đồng xét xử giao con Thanh Ngà cho chị H nuôi dưỡng thì anh T tự nguyện cấp dưỡng cho Thanh N3 500.000 đồng/tháng đến khi cháu Thanh N3 đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 19, 55, 81, 82, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thu H và anh Phạm Thành T.

- Về con chung:

+ Chị Trương Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con là Phạm Thị Thu N, sinh ngày 16/11/2011 và Phạm Thị Thanh N3, sinh ngày 12/01/2019 (hiện đang sống với chị H).

+ Anh Phạm Thành T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Phạm Thị Bảo N2, sinh ngày 08/02/2024 (hiện đang sống với anh T).

+ Chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Phạm Thị Thu N, Phạm Thị Bảo N2.

+ Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Thanh N3 mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu N3 đủ 18 tuổi.

+ Chị H và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên thu mức án phí đúng theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trên cơ sở Đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung. Vụ án thụ lý trước ngày 01/7/2025 nên Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Thu H và anh Phạm Thành T tìm hiểu nhau năm 2008, đến năm 2010 thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2012 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, mâu thuẫn trong việc sử dụng tiền bạc, dẫn đến chị H và anh T thường xuyên cãi nhau, từ năm 2024 đến nay thì chị H và anh T ly thân, không còn sống chung, chị H thuê nhà tại xã L, tỉnh Đồng Tháp sống đến nay. Nay giữa chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể hàn gắn, tiếp tục trở lại chung sống với nhau. Chị H yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị H và anh T thống nhất có 03 con chung tên Phạm Thị Thu N, sinh ngày 16/11/2011, Phạm Thị Bảo N2, sinh ngày 08/02/2014, Phạm Thị Thanh N3, sinh ngày 12/01/2019. Hiện 02 con Thu N và Thanh N3 đang sống chung với chị H, còn con Bảo N2 đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận thống nhất chị H được tiếp tục nuôi con Phạm Thị Thu N và anh T được tiếp tục nuôi con Phạm Thị Bảo N2, hiện con Thu N đang sống chung với chị H, còn con Bảo N2 đang sống với anh T, nguyện vọng của con Thu N cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với chị H, còn con Bảo N2 cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con của chị H và anh T, tiếp tục giao con Thu N cho chị H và giao con Bảo N2 cho anh T nuôi dưỡng.

Đối với con Phạm Thị Thanh N3, sinh ngày 12/01/2019, hiện đang sống chung với chị H thì chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng sau ly hôn thì cần phải xem xét mọi

mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện kinh tế hiện nay của chị H, anh T đều có khả năng lao động, có thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng cháu Thanh N3. Từ đầu năm 2024, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên chị H đã cùng các con đến thuê nhà tại số A ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp cùng sống và làm ăn, còn anh T thì còn ở nhà của chị H, cùng với cha mẹ chị H và con Bảo N2. Từ khi mâu thuẫn năm 2024 đến nay thì cháu Thanh N3 sống chung với chị H, hiện có cuộc sống ổn định, cháu Thanh N3 còn nhỏ (chưa đủ 07 tuổi), cháu lại là con gái. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Thanh N3, nhằm giữ sự ổn định về tâm sinh lý cho cháu. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần thiết giao chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thanh N3. Về phía anh T có quyền nghĩa vụ đến thăm con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H xác định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Thu N và anh T cũng xác định không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con Bảo N2 trong trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Thanh N3, trong trường hợp Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Thanh N4 cho chị H nuôi dưỡng thì chị H cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh T xác định trong trường hợp, Hội đồng xét xử giao con Thanh N4 cho chị H nuôi dưỡng thì anh T tự nguyện cấp dưỡng cho Thanh N3 500.000 đồng/tháng đến khi cháu Thanh N3 đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh T.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị H, anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định. Do chị H tự nguyện nộp thay anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị H. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 55, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thu H và anh Phạm Thành T.

2. Về nuôi con chung:

Chị Trương Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn Phạm Thị Thu N, sinh ngày 16/11/2011 và Phạm Thị Thanh N3, sinh ngày 12/01/2019, hiện cháu Thu N, Thanh N3 đang sống chung với chị H.

Anh Phạm Thành T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn Phạm Thị Bảo N2, sinh ngày 08/02/2014, hiện cháu Bảo N2 đang sống chung với anh T.

Chị Trương Thị Thu H không yêu cầu anh Phạm Thành T cấp dưỡng nuôi con Phạm Thị Thu N và anh Phạm Thành T cũng không yêu cầu chị Trương Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con Phạm Thị Bảo N2 trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

Về mức cấp dưỡng nuôi con Thanh Ngà: Anh Phạm Thành T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Thanh Ngà 500.000 đồng/tháng (Năm trăm nghìn đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Phạm Thị Thành N4 thành niên đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị Thu H, anh Phạm Thành T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Thu H và anh Phạm Thành T mỗi người nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Chị H tự nguyện nộp thay án phí về ly hôn cho anh T. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp ngày 27/5/2025, theo biên lai thu số 0006699 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8) được khấu trừ vào án phí phải nộp, sau khi khấu trừ, chị H được nhận lại số tiền 150.000 đồng. Anh Phạm Thành T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 8;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp (UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cũ).
(GCNKH số 15/2012 ngày 14/02/2012)
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Tuấn Em